

TÊN BÀI DẠY: BÀI 35 VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

Yêu cầu cần đạt :

1. Kiến thức

- Xác định được các đặc điểm về vị trí, giới hạn lãnh thổ của vùng.
- Đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ của vùng đối với sự phát triển kinh tế xã hội.
- Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nổi bật của vùng.
- Phân tích được các đặc điểm dân cư xã hội của vùng.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

* Năng lực địa lí:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích bảng số liệu để hiểu và trình bày đặc điểm dân cư xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí, giới hạn của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Phân tích bản đồ tự nhiên của vùng để hiểu và trình bày đặc điểm tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: đề xuất các giải pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của vùng ĐBSCL

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Ý thức được việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống các dân tộc trong vùng phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
- Chăm chỉ: Tìm hiểu các đặc điểm tài nguyên thiên nhiên và dân cư của vùng.
- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với những khu vực thường xuyên chịu nhiều thiên tai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Chuẩn bị của HS

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu

a) Mục đích:

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết về vị trí, đặc điểm tự nhiên, con người của Đồng bằng sông Cửu Long .

- Sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh để nhận biết các đặc điểm chính về thiên nhiên và con người của Đồng bằng sông Cửu Long.

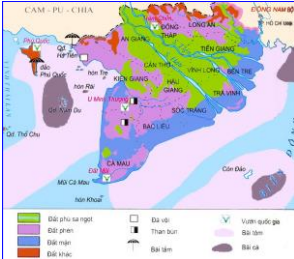



b) Nội dung:

HS dựa vào hình ảnh nêu lên vùng kinh tế cuối cùng.

c) Sản phẩm:

HS quan sát ảnh và nêu được vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

d) Cách thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là những địa điểm ở khu vực nào?</p> <div data-bbox="256 1140 548 1396"></div> <div data-bbox="570 1140 862 1396"></div> <div data-bbox="237 1470 529 1738"></div> <div data-bbox="553 1470 862 1738"></div> <p>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ</p>	
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	

GV: Gọi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về vị trí, giới hạn lãnh thổ

a) Mục đích:

- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long
- Nêu được ý nghĩa của VTĐL đối với việc phát triển KT-XH.

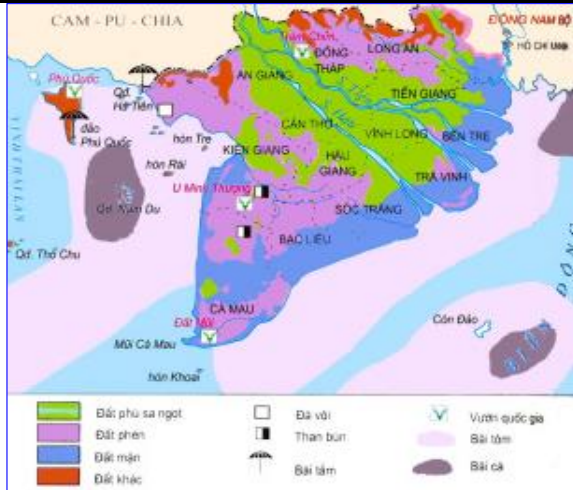
b) Nội dung: Tìm hiểu về vị trí, giới hạn lãnh thổ

c) Sản phẩm: HS trả lời các câu hỏi

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là 39.734 km²
- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm những tỉnh thành phố: HS xác định trên lược đồ.
- Đặc điểm và xác định vị trí địa lí của vùng: Đây là vùng có diện tích tương đối lớn và 3 mặt giáp biển.
- Ý nghĩa vị trí địa lí: thuận lợi cho giao lưu trên đất liền và biển với các vùng và các nước, có điều kiện phát triển kinh tế biển.

d) Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: hs đọc thông tin, kết hợp quan sát hình 35.1 trả lời các câu hỏi:	I. Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ : - Diện tích: 39.734 km ² - Là vùng tận cùng phía Tây Nam của nước ta.. - Gồm 13 tỉnh, thành phố



- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là bao nhiêu?
- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm những tỉnh thành phố nào?
- Nêu đặc điểm và xác định vị trí địa lí của vùng trên bản đồ?
- Ý nghĩa vị trí địa lí của vùng?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS: Lên bảng xác định và trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức

HS: Lắng nghe, ghi bài

- Tiếp giáp:
 - + Phía Bắc giáp Campuchia
 - + Phía Tây và Tây Nam giáp vịnh Thái Lan
 - + Phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông
 - + Phía Đông Bắc giáp Đông Nam Bộ.
- Ý nghĩa :
 - + Thuận lợi cho việc giao lưu, hợp tác phát triển kinh tế xã hội trong và ngoài nước
 - + Có điều kiện phát triển kinh tế biển.

Hoạt động 2.2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long

a) Mục đích:

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

b) Nội dung: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi.

* **Nhóm 1, 4:** Đồng bằng sông Cửu Long có 3 loại đất chính là phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn. HS xác định sự phân bố.

* **Nhóm 2, 5:** Thuận lợi để sản xuất lương thực, thực phẩm:

- Địa hình đồng bằng rộng lớn nhất nước ta, tương đối thấp, khá bằng phẳng

- Khí hậu cận xích đạo, nắng ấm, mưa nhiều

- Hệ thống sông Cửu Long với các phụ và chi lưu cùng hệ thống kênh rạch là một bộ phận quan trọng về sản xuất và sinh hoạt

- Vùng có 3 mặt giáp biển, thềm lục địa rộng lớn, nhiều tiềm năng phát triển dầu khí, nuôi trồng đánh bắt thủy sản, du lịch...

- Hệ sinh thái đa dạng

* **Nhóm 3, 6:** Khó khăn:

- Nhiều diện tích đất phèn, đất mặn (cần cải tạo sử dụng tốt đất phèn, đất mặn)

+ Cải tạo bằng cách thu chua rửa mặn, chọn lọc và lai tạo các loại giống cây trồng thích ứng với tính chất chua mặn của đất

+ Lũ lụt phải tìm cách sống chung với lũ, xây dựng dự án thoát nước ra biển trong mùa lũ...

+ Sống chung với lũ bằng cách xây dựng các cụm dân cư vượt lũ ở nơi có điều kiện, làm nhà nổi, tăng cường khai thác thủy sản trong mùa lũ

- Mùa khô thiếu nước làm tăng nguy cơ nhiễm phèn, nhiễm mặn phải tăng cường các biện pháp thủy lợi.

d) Cách thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc thông tin trong SGK, quan sát lược đồ và yêu cầu các nhóm HS hoàn thành các câu hỏi.	II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên : a: Địa hình: thấp, bằng phẳng, có độ cao địa hình không quá 5 m so với mực nước biển. b: Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa cận xích đạo nóng, ẩm

<p>* Nhóm 1, 4: Dựa vào H35.1 hãy cho biết đồng bằng sông Cửu Long có các loại đất chính nào, phân bố ở đâu?</p> <p>* Nhóm 2, 5: Dựa vào H35.1 và 35.2 hãy cho biết thiên nhiên vùng đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi gì để sản xuất lương thực, thực phẩm?</p> <p>* Nhóm 3, 6: Vùng có những khó khăn gì về điều kiện tự nhiên? Giải pháp gì để khắc phục khó khăn đó?</p> <hr/> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS: Suy nghĩ và thảo luận, trả lời câu hỏi</p> <hr/> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận</p> <p>HS: trình bày kết quả thảo luận</p> <p>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</p> <hr/> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức</p> <p>HS: Lắng nghe, ghi bài</p>	<p>+ Nhiệt độ TB từ 26 – 27⁰C</p> <p>+ Lượng mưa TB từ 1600 – 2000 mm/ năm</p> <p>- Mùa mưa: từ tháng 5 đến tháng 10</p> <p>- Mùa khô: từ tháng 11 đến tháng 4</p> <p>c: Đất</p> <p>- Diện tích đất gần 4 triệu ha</p> <p>+ Đất phù sa ngọt : 1,2 triệu ha phân bố chủ yếu dọc sông Tiền, sông Hậu.</p> <p>+ Đất phèn: 1.9 triệu ha phân bố tập trung ở Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên và bán đảo Cà Mau.</p> <p>+ Đất mặn: 750.000 ha phân bố ở dải ven biển</p> <p>d:Sông ngòi</p> <p>- Nguồn nước dồi dào, có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt đặc biệt hệ thống sông Mê Kông có vai trò quan trọng trong đời sống và sản xuất</p> <p>e:Rừng, khoáng sản</p> <p>+ Rừng: Rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn</p> <p>+ Khoáng sản: đá vôi, than bùn</p> <p>f:Biển</p> <p>- Biển ấm, ngư trường rộng, thuận lợi cho khai thác hải sản</p> <p>- Nguồn hải sản phong phú</p> <p>⇒ Tài nguyên thiên nhiên có nhiều thế mạnh để phát triển nông nghiệp</p> <p>- Thiên nhiên còn gây nhiều khó khăn cho đời sống và sản xuất của ĐBSCL như: lũ lụt ; diện tích đất mặn, đất phèn lớn ; thiếu nước ngọt trong mùa khô</p>
<p>Hoạt động 2.3: Đặc điểm dân cư và xã hội của vùng</p>	

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm dân cư xã hội của vùng
- Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của dân cư xã hội đối với sự phát triển của vùng.

b) Nội dung: Tìm hiểu về đặc điểm dân cư và xã hội của vùng**c) Sản phẩm:** Trả lời các câu hỏi.

- Đặc điểm dân số, dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long:
 - + Dân số: 17,8 triệu người (2018) đứng thứ 2 sau đồng bằng sông Hồng
 - + Thành phần dân tộc chủ yếu người kinh, khơme, Chăm, Hoa
- Tình hình dân cư-xã hội của đồng bằng sông Cửu Long: Tình hình kinh tế phát triển cao hơn, người dân có kinh nghiệm tốt trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa.
- Phát triển kinh tế ở ĐBSCL phải đi đôi với nâng cao dân trí, phát triển đô thị: Mặt bằng dân trí (con người là yếu tố quyết định) và phát triển đô thị (cơ sở hạ tầng) có tầm quan trọng đặc biệt trong công cuộc đổi mới, nhất là xây dựng Miền Tây Nam Bộ trở thành vùng kinh tế động lực.

d) Cách thực hiện:

Hoạt động của GV và HS					Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: hs đọc thông tin SGK và phân tích bảng số liệu để trả lời các câu hỏi: Bảng số liệu một số tiêu chí về dân cư, xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long					III. Đặc điểm dân cư, xã hội - Đặc điểm: đông dân; ngoài người Kinh, còn có người Khơ-me, người Chăm, người Hoa. - Thuận lợi: nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thị trường tiêu thụ lớn. - Khó khăn: mặt bằng dân trí chưa cao.
Tiêu chí	Đơn vị	Năm	Đồng bằng sông Cửu Long	Cả nước	
Mật độ dân số	Người/km ²	2017	435	283	
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên	%	2017	0,4	0,81	
Tỉ lệ hộ nghèo	%	2016	5,2	5,8	

Thu nhập bình quân đầu người/tháng	<i>Nghìn đồng</i>	2016	2777,6	3097,6
Tỉ lệ người lớn biết chữ	<i>%</i>	2017	93,4	95,1
Tuổi thọ trung bình	<i>Năm</i>	2019	75,0	73,6
Tỉ lệ dân số thành thị	<i>%</i>	201	25,5	35,0

- Hãy nêu đặc điểm dân số, dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long?

- Dựa vào bảng 35.1 hãy nêu nhận xét tình hình dân cư-xã hội của đồng bằng sông Cửu Long?

- Theo em, tại sao nói để phát triển kinh tế ở ĐBSCL phải đi đôi với nâng cao dân trí, phát triển đô thị?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức

HS: Lắng nghe, ghi bài

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

Câu 1: A Câu 2: B Câu 3: C Câu 4: C Câu 5: D

Hoạt động 4: Vận dụng

a) **Mục đích:** Hệ thống lại kiến thức về vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) **Nội dung:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Thiết kế một sản phẩm.

d) **Cách thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Qua tìm hiểu thực tế và thông tin trên Internet, hãy phân tích những hậu quả của tình trạng biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến sinh hoạt và sản xuất của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>HS: Lắng nghe, tiếp cận nhiệm vụ</p>	
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Gọi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS: Suy nghĩ, trả lời</p>	
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>HS: trình bày kết quả</p> <p>GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</p>	
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức</p> <p>HS: Lắng nghe và ghi nhớ</p>	